

# THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH VÀ CUỘC CHIẾN CHỐNG ĐÓI NGHÈO (1975 - 2002)

*Mạc Đường\**

Thành phố Hồ Chí Minh là một đô thị megalopolis lớn nhất của Việt Nam. Từ đầu thế kỷ XX, quá trình đô thị hóa đã biến đổi một vùng nông thôn *Bến Nghé thành một đô thị “ hòn ngọc Viễn Đông”* ở Đông Nam Á dưới thời Pháp thuộc. Suốt 30 năm của thế kỷ này (1945-1975), Sài Gòn-tên xưa của thành phố là thủ đô của các chính quyền cũ do các lực lượng ngoại xâm dựng lên. Ngày 30-4-1975, cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam toàn thắng, thành phố Sài Gòn được giải phóng, và ngày 2 tháng 7 năm 1976 thành phố mang tên Thành phố Hồ Chí Minh của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thống nhất.

Hiện nay, thành phố Hồ Chí Minh có khoảng 6 triệu dân. Dân số từ 1 đến 15 tuổi chiếm 45%, có 32 dân tộc sinh sống (Việt 85,7%, Hoa 15,4%, Chăm 4%, Khmer 2%, các nhóm hộ dân tộc Miền Bắc, các nhóm hộ dân tộc Tây Nguyên, ngoại kiều 0,95%). Thành phố Hồ Chí Minh là đô thị có nhiều tín đồ tôn giáo (Phật giáo, Công giáo, Hồi giáo, Tin lành, Cao đài, Hòa Hảo). Đây là thành phố có nguồn nhân lực lớn (2,5 triệu người), nữ chiếm 52,4%, mật độ dân số cao (2617 người/km<sup>2</sup>), đô thị hoá nhanh, số người nghèo mưu sinh bằng loại hình kinh tế phi chính thức (informal sector) đông nhất nước. Tăng trưởng kinh tế nhiều năm ở mức 8% riêng năm 1991-1995, bình quân tăng 12,6%), lạm phát thấp (từ tháng 6 năm 2002 đến tháng 6 năm 2003 còn 12,7%), hộ nghèo giảm còn 3% (2001) theo tiêu chuẩn của thành phố quy định, 137 ấp - khu phố đã xóa nghèo, nhiều hộ nghèo đã trở thành hộ khá giả. Thành phố đã thu hút được nhiều dự án đầu tư liên kết với nước ngoài, xóa nạn đói trong toàn xã hội vào năm 1995 và có khả năng hiện thực xóa tình trạng nghèo tuyệt đối theo định chuẩn địa phương còn 0,6% vào cuối năm 2003. Dân cư thành phố chia thành 3 vùng: *vùng nông thôn ngoại thành* đang trong quá trình đô thị hóa với mức độ nhanh nhất nước từ 1990 cho đến nay, *vùng ven đô* được đô thị hóa trong thập kỷ 60 của thế kỷ trước nay đã trở thành vùng nội đô và *vùng trung tâm* đã diễn ra quá trình đô thị hóa từ những năm đầu của thế kỷ XX.

\* Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ. Việt Nam.

## I. NGUYÊN NHÂN ĐỐI NGHÈO SAU 1975

**1. Nguyên nhân lịch sử:** hậu quả của chính sách bóc lột thuộc địa và sự lạc hậu về kinh tế, chiến tranh xâm lược tàn phá các vùng sinh thái-nhân văn liên tục trong hơn 30 năm liền, tập quán thị dân-nông dân của một nền văn minh tiền công nghiệp lạc hậu, chịu ảnh hưởng nhiều thiên tai trước năm 1975, đặc biệt là trận lụt năm 1978 ở đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL).

**2. Nguyên nhân kinh tế:** sự sai lầm trong chính sách cải tạo công thương nghiệp và đổi tiền đẩy lạm phát lên cao hơn 550%, gò ép thiết lập kinh tế tập thể và bao cấp, ngăn cấm tự do kinh doanh hộ tư nhân (1978-1985).

**3. Nguyên nhân xã hội:** nạn nhập cư thời chiến ồ ạt và đô thị hóa cưỡng bức vào thành phố Hồ Chí Minh trước năm 1975, hơn 1 triệu công chức và binh lính chế độ cũ thất nghiệp, nạn đói và thiếu lương thực, thực phẩm trầm trọng, các lực lượng thù địch gây bất ổn định (thuyền nhân, nạn kiều, chiến tranh biên giới Tây Nam). Từ năm 1980, luồng nhập cư từ nhiều tỉnh vào thành phố Hồ Chí Minh gia tăng không ngừng.

**4. Nguyên nhân cá nhân và hộ gia đình:** thiếu vốn, thiếu phương tiện và công cụ để hoạt động mưu sinh, trình độ học vấn thấp kém, không có nghề nghiệp ổn định, niềm tin vượt nghèo chưa xác định, thiếu chủ động nắm bắt các cơ hội tiếp xúc với các chính sách phúc lợi xã hội do Nhà nước đề ra, tập quán chi tiêu không hợp lý, nhiều con.

## II. TẤN CÔNG VÀO ĐỐI NGHÈO GIAI ĐOẠN SAU NĂM 1975

### 1. Đấu tranh xóa đói giảm nghèo (XDGN) trong 10 năm sau giải phóng miền Nam (1975-1985)

Sau ngày 30-4-1975, dân số thành phố Hồ Chí Minh có khoảng 3.498.176 người, trong đó dân số nông thôn ngoại thành chỉ có 83.562 người. Để tránh bom đạn, nông dân đều kéo vào thành phố mưu sinh, nhiều xóm nghèo xuất hiện trước khi thành phố được giải phóng. Năm 1978, trận lụt thế kỷ đã diễn ra ở vùng ĐBSCL, nơi cung cấp lương thực và thực phẩm cho thành phố. Thêm vào đó là những sai lầm về chính sách kinh tế và tài chính, các lực lượng thù địch gây bất ổn định, chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam bùng nổ, lạm phát tăng, nạn đói và nghèo lương thực trầm trọng. Chính quyền tổ chức giãn dân ra ngoại thành, phục hồi sản xuất nông nghiệp, di dân xây dựng vùng kinh tế mới, vận động và giúp đỡ nạn nhân chiến tranh các tỉnh xa hồi hương, thực hiện chế độ "*khẩu phần lương thực*" trong toàn thành phố, Nhà nước tổ chức cứu trợ các hộ gia đình đang rơi vào cảnh đói lương thực. Nạn đói ở thành phố đã được chặn đứng trước nguy cơ đói và nghèo lương thực thực phẩm đang phát triển tưởng chừng như không khắc phục được.

## 2. Tiếp tục sự nghiệp XDGN trong giai đoạn đầu của thời kỳ đổi mới (1985-1995)

Thực hiện đường lối đổi mới của quốc gia, thành phố đã thực hiện tự do hóa kinh doanh cho hộ tư nhân trong nội thành và phát triển kinh tế hộ gia đình trong sản xuất nông nghiệp, khuyến khích tăng trưởng kinh tế 5 thành phần, mở rộng kinh tế đối ngoại, lạm phát hạ thấp từ 191% năm 1985 xuống còn 11% năm 1995, tỷ lệ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm tăng 12,6% (từ năm 1991 đến 1995), thu nhập đầu người gia tăng từ 400 USD/đầu người lên 600 USD/đầu người (từ năm 1991 đến 1995), quá trình đô thị hóa tự phát bùng nổ, đói và nghèo ở nông thôn vùng sâu vùng xa ngoại thành xuất hiện. *Chương trình phấn đấu thu hẹp và từng bước xóa đói bộ nông thôn của thành phố Hồ Chí Minh ra đời (12-2-1992) đầu tiên ở nước ta. Chuẩn nghèo tuyệt đối được quy định cho nội thành (thu nhập 1000.000đ/người/năm cho nội thành và 700.000 đ/người/năm cho ngoại thành). Sau gần 3 năm hoạt động tích cực, tháng 5 năm 1995, chính quyền thành phố công bố chính thức đã xóa được nạn đói trong xã hội và xem đó là cái mốc quan trọng và có ý nghĩa đối với sự phát triển kinh tế- xã hội của thành phố<sup>(1)</sup>, 49% hộ nghèo đạt chuẩn xóa nghèo tuyệt đối, nhưng vẫn còn tồn tại 51% hộ nghèo tuyệt đối và nạn nghèo lương thực (không còn đói nhưng chưa no đủ thường xuyên) vẫn chưa xóa hết.*

## 3. Vấn đề vượt nghèo trong quá trình đô thị hóa (1995-2001)

Tăng trưởng kinh tế liên tục nâng cao từ 10,2% (1995), 12,6% (1991-1995), 9,5% (2001), 10,2% (2002), lạm phát hạ thấp liên tục (12,7% năm 1995 còn 2,17% năm 2002), thu nhập bình quân đầu người từ 600 USD (1995) đến 1.558 USD (2002), kim ngạch xuất khẩu tăng 23,7%. Chuẩn nghèo tăng từ 3 triệu đồng/người/năm cho nông thôn, 3,5 triệu đồng/người/năm cho nội thành. Thành phố thực hiện *Chương trình mục tiêu quốc gia XDGN giai đoạn 1998-2000* do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt ngày 23 tháng 7 năm 1998. Chương trình có 9 dự án về kinh tế- xã hội, việc làm, tín dụng, y tế để tạo cho người nghèo có cơ hội vượt nghèo nhằm hạ thấp tổng số hộ nghèo cả nước còn 10% vào năm 2000. Cuối năm 2001, thành phố còn hơn 88.824 hộ nghèo (chiếm 10,93% trong tổng số nghèo của 303 phường xã trong toàn thành phố). Tốc độ đô thị vùng nông thôn ngoại thành là 5%/năm. Có 22.571 hộ nghèo trong tổng số hộ nghèo hiện đã thoát tình trạng nghèo tuyệt đối theo định chuẩn quốc gia và địa phương, tạo việc làm cho 183.000 người trong diện nghèo, xây cất 1.000 căn hộ cho người nghèo, 100% người nghèo được sử dụng điện sinh hoạt, đường xá được tu bổ, chợ mới được xây cất, một số người nghèo thường đến trạm y tế để khám chữa bệnh, nhiều gia đình nghèo được hỗ trợ kinh phí để cho con em được đi học. Tỷ lệ nghèo tuyệt đối còn 13%, nghèo tương đối còn 52% (diện đã xóa được nghèo theo định chuẩn địa phương, nhưng còn khả năng tái nghèo, địa phương gọi là “*diện bảo lưu*”).

#### 4. Những động thái vượt nghèo và đô thị hoá sau năm 2001

Năm 2002, nền kinh tế của thành phố gặp nhiều khó khăn mới trong quá trình phát triển hướng tới một xã hội đô thị công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tăng trưởng kinh tế chỉ đạt mức 7,8%, lạm phát 2,17%, sức mua của thị dân tăng, đời sống của đại bộ phận nhân dân không ngừng được nâng cao so với năm 1995. Thành phố công nhận 137 đơn vị xã hội cơ sở (ấp, khu phố) và 3 phường (phường Bến Nghé (Q1), phường 4 (Q10) và phường 6 (Q10)<sup>(2)</sup> đã xóa nạn nghèo tuyệt đối. Nhiều hộ nghèo đang cố gắng ổn định vươn lên từ mức nghèo tương đối để có đời sống cận trung lưu, nhiều hộ nghèo vào năm 1995 nay đã trở thành hộ khá giả có vốn hàng tỷ đồng (các hộ nghèo thuộc hội cựu chiến binh). Đồng thời, số hộ nghèo năm 2002 chỉ còn 5,59% trong tổng số hộ dân cư thành phố năm 2001 và năm 2002 là 3% (tức 30.000 hộ). Chính quyền đã giúp trợ cấp cho 1.357 hộ nằm trong diện đã thoát nghèo nhưng có khả năng tái nghèo. *Mục tiêu năm 2003 của thành phố Hồ Chí Minh là hạ thấp tỷ lệ hộ nghèo còn 0,6% trong tổng số hộ dân, nâng cao mức sống kinh tế-xã hội và văn hóa cho cộng đồng hộ nghèo đã vượt qua chuẩn nghèo tuyệt đối.*

### III. CUỘC ĐIỀU TRA 1050 HỘ NGHÈO CỦA LIÊN NGÀNH KHOA HỌC XÃ HỘI

Cuộc điều tra 1050 hộ nghèo tại thành phố Hồ Chí Minh do Viện Khoa học xã hội TP. Hồ Chí Minh tiến hành đã mở rộng tầm so sánh theo dòng người nhập cư từ 2 xã nông nghiệp ở Miền Trung thuộc 2 huyện Sơn Tịnh (Quảng Ngãi) và 2 xã ở vùng đồng bằng sông Cửu Long thuộc huyện Cần Đức (tỉnh Long An) đã cho ta một ngân hàng dữ liệu khá lớn. Những tư liệu ấy phản ánh phần nào hiện thực nghèo của những năm “bùng nổ đô thị hóa tự phát tiếp diễn sôi nổi (1997-2000)”. Việc quản lý đô thị theo quy hoạch còn khá lỏng lẻo, tầm nhìn đô thị hóa chưa được quán triệt theo tinh thần Nghị quyết 20 của Bộ Chính trị về Thành phố Hồ Chí Minh (tháng 9-2002) trong thời kỳ CNH, HĐH. *Ngân hàng dữ liệu ấy chỉ có giá trị thật sự khi có một đội ngũ khoa học đủ trình độ và khả năng phân tích, nó như là những quá trình xã hội (social process) của đời sống đô thị (megapolis) hiện đại.* Sự phân tích ấy là những luận cứ khoa học có chiều sâu để tìm ra một chiến lược phát triển cho một xã hội đô thị mà ở đó “*người nghèo thì đủ ăn, người đủ ăn thì khá giàu, người khá giàu thì giàu thêm*” (Lời phát biểu của Chủ tịch Hồ Chí Minh năm 1947) nhằm ***xây dựng một xã hội dân giàu mà người giàu tự nguyện nhận lấy trách nhiệm giúp đỡ người nghèo vươn lên khỏi cảnh đói nghèo phải có ý chí mạnh mẽ tự thân dùng nội lực bước tới con đường khá giả.*** Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam không cho phép tồn tại sự đối lập mang tính đối kháng giữa tầng lớp người nghèo và người giàu, càng không cho phép người giàu ra sức bóc

lột người nghèo để làm giàu. Công bằng, dân chủ xã hội là một động lực phát triển của xã hội Việt Nam đang hướng tới.

Để phân tích xã hội trong từng vùng sinh thái đô thị, chúng tôi đã vận dụng phương pháp định vị nghiên cứu để nghiên cứu sâu ở 3 vùng đô thị: *vùng nội đô* đã kinh qua quá trình đô thị hóa từ lâu đời, *vùng ven đô* đang chuyển động đô thị hóa mạnh thành vùng nội đô, và *vùng nông thôn* đang “*bùng nổ đô thị hóa*” đương đại. Các địa phương như: *phường Cầu Kho* bắt đầu quá trình đô thị hóa từ thế kỷ XVIII dưới thời phong kiến triều Nguyễn và trở thành vùng trung tâm đô thị của thành phố thuộc địa từ đầu thế kỷ XX, phường 6 (Q.Tân Bình) nguyên là vùng ven đô hoang vu, dân cư từ Miền Bắc đến định cư từ sau năm 1954 và phát triển đô thị vào thập niên 60 của thế kỷ trước, xã Bình Trị Đông (H.Bình Chánh) là vùng nông thôn Nam Bộ có đình làng, mới bước vào thời kỳ đô thị hóa “*bùng nổ*” từ đầu thập niên 90 của thế kỷ vừa qua đã được định vị điều tra và nghiên cứu.

Muốn thực hiện một quy trình nghiên cứu cơ bản, việc xác định các khái niệm công cụ để tiến hành thiết kế các bảng hỏi điều tra và xác định hệ đề tài nghiên cứu là rất quyết định. Chương trình đã tìm ra 5 khái niệm cơ bản (key issues):

*Vượt nghèo* (poverty alleviation) phân biệt với *giảm nghèo* (poverty reduction) và *xóa nghèo* (poverty elimination);

2. Đô thị hóa (urbanization);
3. Hộ gia đình (Household);
4. Di dân (migration);
5. Cộng đồng (community)<sup>(3)</sup>.

Để đo lường được hiện tượng nghèo cụ thể, chúng ta *đã vận dụng những công thức tính bình quân đầu người trong hộ, công thức tính mức giảm hộ nghèo, công thức tính hộ đã vượt nghèo và đặc biệt là công thức xác định hộ nghèo nhập cư vào các khu vực đô thị hóa*<sup>(4)</sup>. Nguồn thu chi các hộ nghèo là tư liệu rất cơ bản để xác định đặc điểm về mối tương quan xã hội – văn hóa và nhu cầu sinh tồn của người nghèo. *Về thu, có 4 nguồn thu chính* (vay quỹ XĐGN và các quỹ xã hội của Nhà nước, của các đoàn thể xã hội, thu nhập do cách mưu sinh của nhiều loại hình kinh tế (informal sector), thu nhập do chăn nuôi và thu nhập do sự giúp đỡ của người thân). *Về chi, có 14 khoản chi thường xuyên* (cà phê sáng, ăn uống ngoài nhà, ăn uống tại nhà, học văn hóa, học nghề, cúng giỗ, chữa bệnh, thăm quê hương cũ (đối với những người nhập cư), chất đốt để nấu ăn hàng ngày, mua sắm gia dụng, sửa chữa nhà, phương tiện đi lại, trả tiền điện, nước, thuê nhà ở, chi cho việc làm ăn nuôi sống)<sup>(5)</sup>. Hệ thống chợ Bến Thành, chợ Nancy, chợ Tân Bình, chợ Bình Tây, chợ Cầu Muối, chợ Cây da sà, chợ xã Bình Trị Đông) là môi trường mưu sinh *tập trung đông những người nghèo tại chỗ và người nghèo nhập cư*<sup>(6)</sup>.

Tình trạng nghèo đô thị (urban poverty) được phân tích theo 16 tác tố cơ bản<sup>(7)</sup>. Đặc trưng mấu chốt của người nghèo là sự đa dạng hóa hình thức kinh tế phi chính thức trong môi trường đô thị<sup>(8)</sup> và những tác động kinh tế đô thị vào cuộc sống người nghèo như các chi phí, học vấn, mức sống gia đình, tín dụng, việc làm của tuổi trẻ, các xí nghiệp địa phương và cuối cùng dẫn tới bức tranh phân hóa giàu nghèo ở đô thị<sup>(9)</sup>. Vấn đề nhập cư vừa có liên quan đến quá trình đô thị hóa và phát triển nguồn nhân lực, lại vừa có tác động nhiều mặt đến đời sống người nghèo tại chỗ và người nghèo mới nhập cư, có ảnh hưởng đến vùng nông thôn di dân và vùng nông thôn nhập cư, nhất là vấn đề nhà ở và môi trường sống, vấn đề bảo hiểm y tế. Các vấn đề nói trên biểu thị mặt phức tạp nhất của quá trình đô thị hóa trong việc quản lý đô thị và trong quá trình vượt nghèo<sup>(10)</sup>. Vốn xã hội (social capital) được xã hội học hiện đại *bằng nghiên cứu các mối quan hệ xã hội thường xuyên và gắn bó nhau như là một lý thuyết về cấu trúc xã hội và động lực vượt nghèo (theory of social structure and action)* đã được vận dụng phân tích những cơ hội thăng tiến trong xã hội nghèo đô thị ở Thành phố Hồ Chí Minh. Nhưng quan trọng nhất là ý thức tự thân vươn lên trong một niềm tin vượt nghèo bền vững, khi mà “độ thấm” của những chính sách xã hội quốc gia đã đến với các hộ nghèo<sup>(11)</sup>. Những vấn đề khoa học nói trên, nếu thực hiện nhiệm vụ “*tổng kết thực tiễn*”, một cách có ý thức tự thân nghiêm túc hơn thì công việc nghiên cứu nghèo đô thị (urban poverty) sẽ mang lại nhiều ý nghĩa khoa học và thực tiễn có tầm hữu ích cao.

#### IV. CUỘC TẤN CÔNG VÀO NGHÈO KHỔ Ở ĐÔ THỊ VẪN CÒN TIẾP TỤC LÂU DÀI

Năm 2005, Thành phố Hồ Chí Minh sẽ đạt được mức xóa bỏ đồng thu nhập cơ bản nạn nghèo đô thị theo những chuẩn nghèo tuyệt đối mới nâng cao (4 triệu đồng thu nhập người/năm cho vùng nội thành và 3 triệu 500 ngàn đồng thu nhập cho vùng nông thôn ngoại thành bắt đầu từ năm 2004), *sau khi kết thúc chương trình xóa nghèo theo tiêu chuẩn cũ vào cuối năm 2003. Đây là một thắng lợi to lớn so với toàn quốc, mặc dù định chuẩn nghèo tuyệt đối của thành phố Hồ Chí Minh là cao hơn chuẩn quốc gia và cao hơn nhiều lần so với các tỉnh trong nước.* Nhưng, so với chuẩn nghèo tuyệt đối của Liên Hợp Quốc xác định trong các nước đang phát triển như nước ta thì còn quá thấp (1 USD/người/ngày) và so với chuẩn nghèo của các quốc gia đã trải qua thời kỳ công nghiệp hóa và hiện đại hóa phát triển như Tây Âu, Bắc Mỹ, Nhật Bản (thu nhập 2 USD/người/ngày) lại càng thấp hơn, mặc dù giá cả trên thị trường nước ta “*dễ sống*” cho người nghèo hơn nhiều nước khác và “*điều kiện sống*” ở nước ta còn nhiều “*giản đơn*”.

Từ nửa cuối thập niên 80 của thế kỷ trước cho đến nay, các cá nhân và tổ chức khoa học trên thế giới đã tập trung nghiên cứu nhiều hơn về hiện tượng nghèo ở đô thị (urban poverty) trong các nước giàu có với nền công nghiệp và đời sống hiện đại đã đạt tới mức cao. Ngày nay, nghèo khổ ở đô thị và nghèo khổ trong môi trường đô thị hóa đã trở thành một vấn đề

*trọng điểm mà thế giới quan tâm. Vấn đề giảm nghèo và vượt nghèo trong quá trình “bùng nổ” đô thị hóa ở 88 quốc gia nghèo (trong đó có nước ta) là một vấn đề của toàn cầu hóa đang đặt ra trong các nước đang phát triển (developing country) và cả các nước đã phát triển (developed country).*

*Giải quyết nạn nghèo khổ ở đô thị mà đối tượng chính là những người thu nhập thấp theo định chuẩn, họ không được hưởng lương, không được làm việc trong các tổ chức nghề nghiệp ổn định, sinh sống trong những môi trường chật hẹp và ô nhiễm, ít được pháp luật bảo vệ, dễ bị tổn thương về vật chất và tinh thần, ít được bình đẳng trong xã hội và thiếu cơ hội để hưởng thụ các phúc lợi xã hội của quốc gia. Đó là những người nghèo mà các chương trình quốc tế và quốc gia đang cố gắng giải quyết bằng những con đường vượt nghèo khác nhau theo điều kiện của mỗi quốc gia khác nhau.*

Tháng 2-2003, tổ chức Ngân hàng Thế giới theo khuyến nghị của các cơ quan nhân đạo Liên Hợp Quốc đã tổ chức một hội thảo khoa học đầu tiên bàn về vấn đề xúc tiến các dự án nghiên cứu nghèo đô thị (urban poverty) trong phạm vi toàn cầu. Hội thảo đã đưa ra khái niệm “chiến lược trao quyền” (empowerment strategies) với 4 yếu tố cơ bản (four key element) để làm cơ sở định hướng nghiên cứu nghèo đô thị (1/ Quyền người nghèo được giúp đỡ nắm biết các chính sách phúc lợi xã hội một cách tường tận, 2/ Quyền tự thân quyết định và tham gia các dự án vượt nghèo, 3/ Tự mình chịu trách nhiệm về con đường vượt nghèo của bản thân, 4/ Chất lượng của các cơ quan nghiên cứu và thực hiện các dự án vượt nghèo<sup>(12)</sup>).

*Xóa đói giảm nghèo ở những nước đang phát triển là một quá trình hành động nằm trong chiến lược phát triển kinh tế-xã hội quốc gia, dựa vào sự tăng trưởng kinh tế hàng năm và nguồn thu ngân sách quốc gia là chính. Xóa đói giảm nghèo là từng bước rút ngắn khoảng cách giàu nghèo để xây dựng một đất nước dân giàu. Đó là mục tiêu chiến lược của các công trình nghiên cứu cơ bản đa ngành về khoa học xã hội nhằm phục vụ cho chiến lược XĐGN quốc gia. Để có vai trò chủ động và hiệu quả trong nghiên cứu và phát triển (R&D), các nhà khoa học xã hội cần tiếp cận với những khái niệm mới, hình thành những ngành chuyên môn mới (kinh tế học đô thị, dân tộc học đô thị, xã hội học đô thị, tâm lý học đô thị, lịch sử phát triển đô thị thời hiện đại) và liên kết nghiên cứu trên tinh thần hỗ trợ cùng phát triển nhằm đào tạo một nguồn nhân lực nghiên cứu cơ bản có năng lực điều tra, phỏng vấn giỏi chứ không phải tạo thành một lớp người đi thu thập tài liệu có vốn kiến thức cơ bản nghèo nàn.*

## CHÚ THÍCH

1. Trương Tấn Sang, Báo cáo tổng kết phong trào thi đua thực hiện mục tiêu xóa bỏ đói của thành phố Hồ Chí Minh ngày 25-4-1995.
2. Ủy ban nhân dân TP Hồ Chí Minh, Tài liệu Hội nghị tổng kết chương trình XĐGN - việc làm năm 2002 và mục tiêu nhiệm vụ năm 2003, tr. 32

3. Mạc Đường, *Các khái niệm khoa học cơ bản từ thực tiễn nghiên cứu của chương trình, trong tài liệu Hội thảo thông tin về nghiên cứu và thực hiện XĐGN* của Viện Khoa học xã hội tại TP Hồ Chí Minh, tháng 5 năm 2001.
4. Mạc Đường, *Các công thức tính toán cơ bản về hiện tượng nghèo*, tài liệu đã dẫn, phụ lục 3.
5. Mạc Đường, *Cây kinh tế thu chi của hộ gia đình nghèo*, tài liệu đã dẫn, phụ lục 4b.
6. Mạc Đường, *Sơ đồ quan hệ của những tác tố mạng lưới thương mại tại các địa bàn định vị*, tài liệu đã dẫn.
7. Các tác tố ấy là: 1/ đặc điểm dân số học; 2/ sức khỏe; 3/ giáo dục và đào tạo; 4/ lịch sử gia đình chủ hộ; 5/ tình hình di dân; 6/ nhà ở và điều kiện sinh hoạt; 7/ việc làm và thu nhập; 8/ quan hệ xã hội; 9/ thu nhập ngoài việc làm; 10/ chi tiêu; 11/ mượn vay tiền; 12/ hoạt động nông nghiệp; 13/ mức sống; 14/ ý kiến người dân về tình trạng nghèo 15/ tình hình ô nhiễm môi trường 16/ niềm tin vượt nghèo trong năm trước mắt. Xem: Nguyễn Thu Sa - *Phương pháp và kỹ thuật nghiên cứu...* trong sách *Vấn đề giảm nghèo trong quá trình đô thị hóa ở TP Hồ Chí Minh*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội 2001, tr 153.
8. Nguyễn Quốc Việt, *Vấn đề người nghèo trong khu kinh tế chính thức ở TP. Hồ Chí Minh* trong sách *Vấn đề giảm nghèo trong quá trình đô thị hóa...*, tài liệu đã dẫn, tr 287-303.
9. Xem báo cáo khoa học của các tác giả Trương Thanh Thảo, Vũ Văn Ngọc, Nguyễn Thị Hòa, Nguyễn Thị Mai Hương, Lê Thị Mỹ, Nguyễn Tấn Dân, Nguyễn Thị Cảnh... lưu trữ tại văn phòng XĐGN, Viện Khoa học xã hội tại TP Hồ Chí Minh.
10. Xem báo cáo khoa học của Trần Hồng Liên, Trần Anh Tiến, Lê Quang Minh, Lê Thanh Sang, Nguyễn Thị Nhung, Nguyễn Ngọc Diễm, Trần Thái Ngọc Thành, Phạm Thành Duy, Phan Thành, lưu trữ tại văn phòng XĐGN, Viện Khoa học xã hội TP. Hồ Chí Minh.
11. Xem báo cáo khoa học của Văn Thị Ngọc Lan, Phạm Ngọc Đỉnh và Lưu Phương Thảo, lưu trữ tại văn phòng XĐGN, Viện Khoa học xã hội tại TP. Hồ Chí Minh.
12. Xem tài liệu *Workshop on "Measuring Empowerment: Cross disciplinary Perspectives"*, 4-5 February 2003, Washington DC (USA), Poverty, The World Bank group.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Hồ Chí Minh tuyển tập*, tập 4 Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 1987.
2. Nghị quyết Đại hội Đảng cộng sản Việt Nam lần thứ IX.
3. Nghị quyết 20 của Bộ Chính trị ngày 20-2-2002 về TP Hồ Chí Minh.
4. Mạc Đường. *Dân tộc học đô thị và đô thị hóa*, Nxb Trẻ, TP Hồ Chí Minh 2002.
5. Chương trình nghiên cứu quản lý đô thị TP Hồ Chí Minh - *Các giải pháp tổng hợp quản lý đô thị TP.HCM*, 1996.
6. UBND TP Hồ Chí Minh. *Tài liệu tổng kết chương trình XĐGN - VIỆC LÀM năm 2002 và mục tiêu nhiệm vụ năm 2003*, 2-2003.
7. Cornell University. *Poverty, inequality and Development*, USA, 2000.
8. Viện Khoa học xã hội tại TP Hồ Chí Minh. *Hội thảo trao đổi thông tin về nghiên cứu và thực hiện XĐGN lần thứ nhất*, 5-2001.
9. Viện Khoa học xã hội tại TP Hồ Chí Minh. *Hội thảo thông tin... lần thứ 2*, tháng 5-2003.
10. ADB. *Development and Management of cities*, 3-1999.